

Số: 12/2023/QĐST-HNGĐ

Chí Linh, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

**TOÀ ÁN NHÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

**Thư ký phiên họp:** Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST-VDS ngày 02 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:**

1. UBND phường S, thành phố C, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu: Ông Nguyễn Hoài B - Chủ tịch UBND phường S.

2. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974;

Nơi ĐKKHKT: Khu 11, phường P, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 5, ngõ 36, đường N, Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

3. Chị Mạc Thị D, sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 5, ngõ 36, đường N, Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

UBND phường S, anh T, chị D đều vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Qua quá trình kiểm tra lý lịch và các tài liệu lưu trữ tại UBND phường S và yêu cầu của công dân. UBND phường S phát hiện trường hợp anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07/5/1974; Nơi ĐKKHKT: Khu 11, phường P, thành phố C, tỉnh H và chị Mạc Thị D, sinh ngày 15/4/1979; Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H. Anh T và chị D đều có nơi ở hiện nay: Số nhà 5, ngõ 36, đường N, Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H kết hôn ngày 26 tháng 3 năm 1996 tại

UBND thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), là trái pháp luật. Căn cứ theo các giấy tờ tùy thân của chị Mạc Thị D thể hiện chị Mạc Thị D, sinh ngày 15/4/1979 nhưng đến ngày ngày 26 tháng 3 năm 1996 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T (thời điểm đăng ký kết hôn, anh T là công dân sinh sống, cư trú tại khu dân cư T, thị trấn S (nay là khu dân cư T, phường S, thành phố C); khi đó chị D còn thiếu 11 tháng 20 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: “Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên”. Vì vậy, khi đến đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), chị D đã khai chị D sinh ngày 01/01/1978, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị D và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn là anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07/5/1974 và chị Mạc Thị D, sinh ngày 01/01/1978. UBND phường S nhận thấy việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh T và chị D nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, năm sinh của mẹ không khớp nhau và các cháu không được làm các thủ tục đăng ký dự thi đại học vào các trường mình yêu thích. Hiện tại anh T và chị D vẫn chung sống hạnh phúc, có con chung, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố C, tỉnh H. Vì vậy UBND phường S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố C hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm chứng nhận kết hôn của UBND phường S cấp cho anh T và chị D ngày 26/3/1996). Bên cạnh đó, nếu anh T và chị D có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai ngày 26/10/2023 người yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D trình bày: anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C). Do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị D chưa đủ tuổi nên đã tự ý khai báo thay đổi ngày tháng năm sinh từ 15/4/1979 thành 01/01/1978 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị D mới 16 tuổi 01 tháng 10 ngày. Anh T cũng trình bày ngày 26/3/1996 anh và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), tỉnh H. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc chị D tự ý khai báo tăng ngày tháng năm sinh để đủ tuổi đăng ký kết hôn anh T không được biết, do không hiểu biết về quy định pháp luật nên anh T cũng không kiểm tra lại thông tin khi đăng ký kết hôn. Nay để đảm bảo đúng quy định của pháp luật anh T và chị D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh T và chị D xác nhận, anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 23/8/1996; Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 30/12/2002 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/3/2008 anh T và

chị D không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị D không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b Điều 35, điểm b Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND phường S, thành phố C, tỉnh H.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07/5/1974 và Mạc Thị D, sinh ngày 15/4/1979, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D hiện đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố C, tỉnh H. Thời điểm anh T và chị D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện C(nay là phường S, thành phố C), tỉnh H.

Qua kiểm tra, UBND phường S phát hiện trường hợp anh T và chị D kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh T và chị D năm 1996), đồng thời trong quá trình giải quyết, anh T và chị D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND phường S; anh T và chị D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh T và chị D năm 1996) của UBND phường S và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh T, chị D kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh và một số giấy tờ tùy thân khác thì chị Mạc Thị D, sinh ngày 15/4/1979 nhưng đến ngày ngày 26 tháng 3 năm 1996 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T (thời điểm đăng ký kết hôn, anh T là công dân sinh sống, cư trú tại phố T, thị trấn S, huyện C (nay là khu dân cư T, phường S, thành phố C), tỉnh H khi đó chị D còn thiếu 11 tháng 20 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: *“Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên”*. Vì chị D chưa đủ tuổi để kết hôn nên đã thống nhất với anh T khai với cán bộ đăng ký kết hôn thị trấn S họ tên, ngày tháng năm sinh là Mạc Thị D, sinh ngày 01/01/1978 để chị D có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm đó đã đăng ký kết hôn cho anh T và chị D, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 23/1996, quyển số 01, ngày 26/3/1996 ghi anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 07/5/1994 và chị Mạc Thị D, sinh ngày 01/01/1978. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND phường Sao Đỏ có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh T và chị D năm 1996) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh Tuấn và chị D đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 23/8/1996; Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 30/12/2002 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 08/3/2008. Quá trình chung sống, anh T và chị D không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là ngày 16/4/1997 theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 16/4/1997.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND phường S, thành phố C, tỉnh H không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh T và chị D có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, 366, 367, 369, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND phường S, thành phố C, tỉnh H về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/7/1974 và chị Mạc Thị D, sinh ngày 15/4/1979 kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (kể từ ngày 16 tháng 4 năm 1997).

3. Về lệ phí:

- UBND xã UBND phường S, thành phố C, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Nguyễn Ngọc T và chị Mạc Thị D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh T, chị D đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0000649 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND phường S; anh T và chị D có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ;
- Chi Cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP**

**Nguyễn Thị Vân Anh**